

Bản án số: 47 /2022/HC-ST

Ngày: 30/6/2022

V/v Khiếu kiện hành vi hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Anh Tuấn;

2. Bà Trần Thị Thu Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Châu Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST-HC ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc *Khiếu kiện hành vi hành chính* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HC ngày 01 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-HC ngày 17/6/2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đinh Đức H.

Địa chỉ: Khu HP, phường ND, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn H1 – Địa chỉ: Số .., ND, phường HL, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (văn bản ủy quyền ngày .././2020 – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Sỹ D – Văn phòng Luật sư MT – Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh (Chứng chỉ hành nghề Luật sư số xx.336/TP/LS-CCHN cấp ngày .././20.., Thẻ Luật sư số xx.606/LS do Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp ngày .././20.. – Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh;

Địa chỉ trụ sở: Đường HN, phường HL, thành phố MC, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc V – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố M - (văn bản ủy quyền ngày .././2022) – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đỗ Văn T – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất; Ông Trần Minh T1 – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường và ông Đặng Hồng P – Luật sư Công ty Luật TNHH Quảng Ninh (ông Trần Minh T1 có mặt; ông Đỗ Văn T và ông Đặng Hồng P vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh Q;

Địa chỉ: Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao TH – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường ND, thành phố M;

Địa chỉ: Phường ND, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung Đ – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND phường ND (Văn bản ủy quyền ngày ../../2021) – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, Người khởi kiện Đinh Đức H trình bày:

Năm 1990, UBND xã ND (nay là phường ND), thành phố M giao cho ông Vũ Văn Q thửa đất tại khu HP, phường ND để sản xuất gạch. Tháng 5/1992 UBND xã ND giao lại thửa đất này cho ông Đỗ Trọng H1 và ông Ngô Nhật B (người Trung Quốc) để sản xuất gạch (việc giao đất UBND xã ND không xác định diện tích, ranh giới, mốc giới, không giao đất trên thực địa).

Do sản xuất không hiệu quả, ông H1 và ông B nhượng lại cho ông Đặng Trọng T2. Tháng 5/1994 ông T2 chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho gia đình tôi để ở và sản xuất gạch.

Bản xác nhận năm 1999, UBND phường ND cho rằng tổng diện tích gia đình tôi đang sử dụng là $2.016m^2$ bao gồm đất ở, ao và đất khác. Nguồn gốc, UBND xã ND cấp năm 1992, nhận chuyển nhượng qua một chủ đất, đất không tranh chấp, thế chấp.

Năm 2001, dự án đường dẫn cầu Hòa Bình thu hồi $649,2m^2$ của gia đình tôi, việc thu hồi này chia thửa đất thành hai thửa. Theo diện tích do UBND phường ND xác định năm 1999 thì diện tích còn lại của gia đình tôi sau khi thu hồi là $2.016m^2 - 649,2m^2 = 1.366,8m^2$.

Năm 2008 khi bị thu hồi lần thứ hai, diện tích thực tế gia đình tôi đang quản lý sử dụng là $1.987,3m^2$, lớn hơn diện tích còn lại sau khi thu hồi lần đầu $1.987,3m^2 - 1.366,8m^2 = 620,5m^2$.

Việc thu hồi, giải phóng mặt bằng có khiếu nại, năm 2012 UBND tỉnh Q giải quyết khiếu nại chấp nhận yêu cầu bồi thường về đất cho gia đình tôi và yêu cầu UBND thành phố M bàn giao lại cho gia đình tôi $374,35m^2$ đất thu hồi trái quy định.

Tháng 02/2020 khi yêu cầu UBND thành phố M cấp Giấy CNQSDĐ, diện tích đo đạc thực tế gia đình tôi đang quản lý sử dụng là $1.086,6m^2$.

Gia đình tôi đã hoàn thiện toàn bộ hồ sơ xin cấp giấy CNQSDĐ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng ĐKQSDĐ thành phố M tiếp nhận hồ sơ ngày 24/02/2020.

Tuy nhiên sau đã gần một năm kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ, UBND thành phố M vẫn không thực hiện nhiệm vụ công vụ, không cấp Giấy CNQSDĐ cho gia đình tôi, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

Ông Đinh Đức H khởi kiện hành vi hành chính của UBND thành phố M về việc không thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Đức H trong thời hạn quy định là trái pháp luật và buộc UBND thành phố M, tỉnh Q cấp Giấy CNQSDĐ đối với diện tích 1.086,6m², thửa đất số 88 tờ bản đồ số 52, tại khu H, phường ND, thành phố M cho ông Đinh Đức H.

Tại bản tự khai ngày 07/12/2021, Đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện khai:

Năm 1990, UBND xã ND (nay là phường ND), thành phố M giao cho ông Vũ Văn Q thửa đất diện tích 2.016m² tại khu H, phường ND để sản xuất gạch. Trong đó xác định được 720m² làm sân phơi, lán trại, 1.296m² để khai thác sản xuất gạch (việc giao nhận đất không tiến hành tại thực địa, không xác định rõ ranh giới, mốc giới). Sau khi ông Q trả lại, tháng 5/1992, phường ND giao lại toàn bộ thửa đất này cho ông Đỗ Trọng H1 và ông Ngô Nhật B (người Trung Quốc) để sản xuất gạch.

Do sản xuất không hiệu quả, ông H1 và ông B nhượng lại cho ông Đặng Trọng T2. Tháng 5/1994 ông T2 chuyển nhượng toàn bộ thửa đất, tài sản trên đất cho gia đình ông H để ở và sản xuất gạch. Gia đình ông H quản lý sử dụng, đến năm 1997 gia đình ông H đã đào thêm ao thả cá và trồng cây lâu năm (nhãn, vải), xây dựng thêm nhà, làm bãi rửa xe, sử dụng ổn định, không tranh chấp.

Bản xác nhận năm 1999, UBND phường ND cho rằng tổng diện tích gia đình ông H đang quản lý, sử dụng là 2.016m² bao gồm đất ở (xây dựng công trình), đất ao và đất khác. Nguồn gốc, UBND xã ND cấp năm 1992, nhận chuyển nhượng qua một chủ đất, đất không tranh chấp, thế chấp.

Năm 2001, dự án đường dẫn cầu Hòa Bình thu hồi 649,2m² của gia đình ông H, việc thu hồi này chia thửa đất của gia đình ông H thành hai thửa. Theo Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, UBND tỉnh Q xác định; (1) thửa phía Nam của gia đình ông H diện tích 551m² gồm nhà ở, nhà tạm và cây lâu năm; (2) thửa phía Bắc diện tích 1.456,65m² gồm nhà tạm, công trình phụ, lò gạch và bãi rửa xe.

Năm 2008 thực hiện Dự án nâng cấp Đại lộ Hòa Bình, UBND thành phố M thu hồi đất lần thứ hai của gia đình ông H. Như thông tin của UBND thành phố M năm 2001, diện tích còn lại sau khi thu hồi lần đầu của gia đình ông Hợp là $2.016\text{m}^2 - 649,2\text{m}^2 = 1.336,8\text{m}^2$. Tuy nhiên năm 2008, khi xác định diện tích để thu hồi đất, diện tích thực tế gia đình ông H quản lý, sử dụng là 1.987,3m² (thửa phía Nam diện tích 551m² gồm nhà ở, nhà tạm và cây lâu năm, thửa phía Bắc diện tích 1.456,65m² gồm nhà tạm, công trình phụ, lò gạch và bãi rửa xe). Diện tích tăng thêm 650,5m² do năm 2001 cơ quan chức năng thành phố M đo đạc thiếu dẫn đến diện tích đất gia đình ông H luôn tăng thêm sau mỗi lần đo.

Năm 2008, UBND thành phố M thu hồi toàn bộ hai thửa đất, phía Bắc và phía Nam. Cho rằng việc thu hồi đất có dấu hiệu trái pháp luật, gia đình ông Hợp khiếu nại, giải quyết khiếu nại lần 2, UBND tỉnh Q xác định UBND thành phố M thu hồi thừa diện tích 374,35m² (thửa phía Bắc). Thực hiện

Quyết định giải quyết khiếu nại, UBND thành phố M đã phải giao trả lại cho gia đình ông H diện tích thu thừa 374,35m².

Thửa đất phía Bắc này, gia đình ông H đã có nhà ở, công trình phụ, gia đình ông quản lý, sử dụng ổn định, ranh giới sử dụng ổn định, không tranh chấp từ năm 1992.

Diện tích 374,35m² đất UBND thành phố trả lại không phải là toàn bộ diện tích còn lại của thửa đất phía Bắc của gia đình ông H, đây là diện tích đất được giao trả lại do thu hồi trái luật của gia đình ông H. Diện tích thực tế gia đình ông H quản lý sử dụng là 1.086,6m², diện tích xác định được khi hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận, do UBND thành phố M không thực hiện nhiệm vụ, công vụ cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông H theo thời hạn, ông H khởi kiện UBND thành phố đến TAND tỉnh Q.

Ngày 25/5/2021, UBND thành phố M ban hành Công văn số 2341/UBND-VP có ý kiến: Đối với phần đất 374,35m² đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh Q, UBND thành phố hướng dẫn gia đình ông H hoàn thiện hồ sơ để cấp giấy chứng nhận. Đối với diện tích còn lại, đề nghị hộ dân lập hồ sơ, tài liệu liên quan gửi hồ sơ cấp giấy đến Trung tâm hành chính công để xin cấp giấy chứng nhận.

Ngày 05/10/2021, UBND thành phố M ban hành Công văn số 4799/UBND -VP gửi đến TAND tỉnh Q, căn cứ Báo cáo số 90/BC-UBND ngày 07/9/2021 của UBND phường N, hai công văn này xác định trong tổng số 1.086,6m² ông H đang khởi kiện yêu cầu UBND thành phố M cấp giấy chứng nhận *"phần diện tích khoảng 748,4m² là đất của Xí nghiệp gạch Giếng Đáy thuê của UBND tỉnh Q từ năm 1997 theo hợp đồng thuê đất số 54/HĐ/TĐ ngày 17/5/1997 giữa Sở địa chính và Xí nghiệp gạch Giếng Đáy; phần diện tích 173,35 có nguồn gốc do ông H nhận chuyển nhượng từ năm 1994, gia đình ông H đã trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản"*. Và *"Thửa đất hộ dân xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc phức tạp, trùng một phần ranh giới UBND tỉnh đã giao cho Xí nghiệp gạch Giếng Đáy nhưng chưa đề cập trong Quyết định giải quyết khiếu nại số 1284/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của UBND tỉnh Q"*.

Thông qua công văn số 4799, UBND thành phố M lại yêu cầu gia đình ông H cung cấp hồ sơ chứng minh nguồn gốc sử dụng đất và tiếp tục giao lại cho UBND phường ND thu thập tài liệu, hồ sơ liên quan, xác nhận thông tin liên quan gửi đến Văn phòng ĐKQSDĐ thành phố. Mặc dù loay hoay yêu cầu hết UBND phường ND đến Văn phòng ĐKQSDĐ xác minh làm rõ nguồn gốc sử dụng đất nhưng sự thật về nguồn gốc thì UBND thành phố không sao xác minh được.

Gia đình ông H quản lý, sử dụng thửa đất từ năm 1994 đến nay, ranh giới sử dụng đất không thay đổi từ khi nhận chuyển nhượng của ông Đặng Trọng T2. UBND thành phố trả lời một phần thửa đất trùng với đất của Xí nghiệp gạch Giếng Đáy, một phần do lấn chiếm là không đúng sự thật và thiếu trách nhiệm.

UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1508/QĐ-UB ngày 15/5/1997 thu hồi hơn 4 nghìn mét vuông đất do UBND xã ND quản lý để giao cho Xí nghiệp gạch Giếng Đáy thuê có thời hạn 20 năm, trong khi gia đình ông H đã quản lý sử dụng ổn định từ năm 1994. Tại biên bản giao đất của UBND tỉnh Q cho Xí nghiệp gạch Giếng Đáy ngày 05/6/1997 không có chữ ký xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp là UBND phường ND, không có ranh giới mốc giới rõ ràng.

Việc UBND tỉnh thu hồi đất nếu có thu hồi vào đất gia đình ông H đang quản lý, sử dụng, gia đình ông cũng không được thông báo thu hồi đất, không được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật theo Luật đất đai năm 1993. Gia đình ông vẫn quản lý, sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1994 đến nay.

Đại diện UBND thành phố M thiếu trách nhiệm trong các văn bản trả lời đến TAND tỉnh Q, người bị kiện nêu ra hàng loạt vướng mắc biện minh cho việc không thực hiện nhiệm vụ công vụ như ranh giới sử dụng đất chồng lấn. Tuy nhiên chúng tôi được biết, sau khi UBND tỉnh giao đất trên giấy, Xí nghiệp gạch Giếng Đáy không tác động vào đất được thuê. Ngày 29/5/2019, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 2161/QĐ-UBND thu hồi đất của Công ty cổ phần gạch ngói Hải Ninh (Xí nghiệp gạch Giếng Đáy) với lý do; Đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn.

Người bị kiện, UBND thành phố M không thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp giấy cho gia đình ông H, trong quá trình Tòa án có thẩm quyền giải quyết vẫn đưa ra những quan điểm thể hiện thiếu trách nhiệm đối với yêu cầu khởi kiện của người dân.

Quá trình giải quyết vụ án, Đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố M và Chủ tịch UBND thành phố M có quan điểm như sau:

Thửa đất theo đề nghị của ông Đinh Đức H là thửa đất số 88 tờ bản đồ địa chính số 52 thuộc khu HP, phường ND, thành phố M. Thửa đất nêu trên đã được ông H nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 24/02/2020 (Giấy tiếp nhận hồ sơ số 78/TNHS ngày 24/02/2020 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất). Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã chuyển hồ sơ xuống UBND phường ND và đề nghị UBND phường ND xác nhận rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp và các nội dung khác liên quan đến điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 29/10/2020 UBND phường ND có Báo cáo số 112/BC-UBND ngày 29/10/2020 của UBND phường ND, nguồn gốc thửa đất (theo kết quả lấy phiếu ý kiến khu dân cư) đối với thửa số 88 tờ bản đồ địa chính số 52 thuộc khu HP, phường ND với tổng diện tích là 1.086,6m², gồm 03 thửa đất riêng biệt được ông H tự gộp lại sử dụng: (I) Thửa thứ nhất có nguồn gốc trước đây năm 1990 UBND xã ND (nay là phường ND) giao cho ông Vũ Văn Q để sản xuất gạch. Tháng 5/1992 do ông Q không làm ăn được nên có giao lại cho ông Đỗ Trọng H1 để sản xuất gạch. Sau thời gian làm ăn không hiệu quả toàn bộ cơ sở sản xuất

gạch được giao lại cho ông Đặng Trọng T2. Tháng 5/1994 ông T2 chuyển nhượng lại cho ông Đinh Đức H để sản xuất gạch và để ở. Đến năm 1997 do sản xuất gạch không hiệu quả gia đình ông H đã chuyển sang đào ao, thả cá trồng cây và kinh doanh làm bãi rửa xe. Năm 2001 dự án đường dẫn hai đầu cầu Hòa Bình thi công lấy một phần thửa đất; phần diện tích còn lại là 374,35m² được thể hiện rõ tại Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của UBND tỉnh; (2) Thửa đất thứ 2: Phần diện tích là ao (theo sơ đồ ông H cung cấp với diện tích 244,6m²): Đây là phần diện tích trước kia ông Đặng Trọng T2 sản xuất gạch đã khai thác để lấy đất làm gạch nung thủ công, sau thời gian nước đọng lại trở thành hồ trũng nên sau khi ông H nhận chuyển nhượng lại khu đất bên cạnh có cải tạo lại hồ trũng thành ao nuôi cá từ khoảng năm 2012 đến nay; (3) Thửa đất thứ 3 (ngoài phần đất thửa thứ 1 diện tích 374,35 và thửa thứ 2 diện tích 244,6m²): Đây là phần đất ông H tự lấn chiếm đất của tập thể xí nghiệp gạch ngói để trồng cây lâu năm từ năm 2012 đến nay.

Ngày 06/5/2021, Tòa án nhân dân tỉnh đã chủ trì tổ chức đối thoại, cung cấp các tài liệu và chứng cứ, trên cơ sở kết quả buổi đối thoại, UBND Thành phố đã giao UBND phường ND chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan có liên quan làm việc, hướng dẫn ông Đinh Đức H liên quan đến việc kê khai hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua xem xét Biên bản làm việc thống nhất giữa ông Đinh Đức H và các ngành ngày 14/5/2021, xem xét Báo cáo số 44/BC-UBND ngày 15/5/2021 của UBND phường ND, UBND Thành phố đã có Văn bản số 2341/UBND-VP ngày 25/5/2021 hướng dẫn ông Đinh Đức H các nội dung: (1) Đối với phần diện tích đất 374.35m² (đã xác định cụ thể ranh giới thửa đất) đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Q, UBND Thành phố hướng dẫn hộ ông H kê khai, hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận; đồng thời đối với phần diện tích còn lại, UBND Thành phố đề nghị hộ dân tiếp tục thiết lập hồ sơ kèm theo tài liệu liên quan chứng minh việc sử dụng đất; gửi hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận tại Trung tâm hành chính công trước ngày 30/5/2021 để được xem xét, giải quyết theo quy định; (2) Yêu cầu gia đình ông H di chuyển, tháo dỡ toàn bộ các công trình nằm trong ranh giới đất đã được bồi thường GPMB. Thời gian thực hiện xong trước ngày 30/05/2021 trả lại mặt bằng cho cơ quan nhà nước quản lý.

Ngày 02/7/2021, UBND phường ND đã chuyển hồ sơ của hộ ông H đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã kiểm tra hồ sơ và có Tờ trình số 784/TTr-VPĐK ngày 19/7/2021 trình phòng Tài nguyên Môi trường thẩm định. Sau khi thẩm định hồ sơ, phòng Tài nguyên Môi trường có Văn bản số 377/CV-TNMT ngày 12/8/2021 trả hồ sơ đề Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, UBND phường ND bổ sung, làm rõ nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, xác định loại mục đích sử dụng đất xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo đó, UBND phường ND đã rà soát hồ sơ tài liệu liên quan, thu thập thêm hồ sơ giao đất dự án Khu tập thể dành cho cán bộ nhân viên của Xí nghiệp gạch ngói Giếng Đáy 2 Q, đồng thời triển khai kiểm tra thực tế, phục dựng lại hiện trạng, kết hợp đối chiếu bản đồ địa chính, các sơ đồ

quy hoạch và tài liệu có liên quan, UBND phường ND đã có Báo cáo số 90/BC-UBND ngày 07/9/2021 “Kết quả xác minh nguồn gốc thửa đất hộ ông Đinh Đức H, tại khu HP, phường ND, thành phố M”, đồng thời có Văn bản số 258/CV-UBND ngày 21/9/2021 gửi Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, trong đó có nội dung: “... một phần diện tích đất của hộ ông Đinh Đức H nằm vào ranh giới đất của xí nghiệp gạch Giếng Đáy”, hủy kết quả xác nhận của UBND phường ND tại Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Bản mô tả ranh giới mốc giới thửa đất của hộ ông Đinh Đức H.

Theo đó, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã có Văn bản số 513/TB-VPĐK ngày 27/9/2021 “V/v trả hồ sơ” gửi ông Lê Sỹ D (người được ông Đinh Đức H ủy quyền) để nhận lại hồ sơ do hộ dân đã nộp.

Từ hồ sơ tài liệu liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đề nghị của hộ ông Đinh Đức H, UBND thành phố M nhận thấy: Thửa đất hộ dân xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc phức tạp, trùng một phần ranh giới UBND Tỉnh đã giao đất cho Xí nghiệp gạch Giếng Đáy nhưng chưa đề cập đến trong Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của UBND Tỉnh.

Để giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ dân đảm bảo đúng ranh giới, diện tích, mục đích sử dụng đất và đảm bảo quy định của pháp luật, UBND Thành phố đã hướng dẫn hộ dân kê khai hồ sơ cấp Giấy chứng nhận và chủ động cung cấp các tài liệu liên quan chứng minh nguồn gốc sử dụng đất của gia đình, đồng thời UBND Thành phố đã giao lại UBND phường ND thu thập toàn bộ hồ sơ tài liệu có liên quan và rà soát, xác nhận các thông tin liên quan để gửi Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, phòng Tài nguyên Môi trường kiểm tra, thẩm định và báo cáo UBND Thành phố phê duyệt cấp Giấy chứng nhận theo quy định (hiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất nêu trên của hộ dân chưa được hoàn thiện để trình UBND Thành phố). Do đó việc ông Đinh Đức H cho rằng UBND Thành phố không thực hiện nhiệm vụ, công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông là không có cơ sở.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND tỉnh Q có quan điểm:

Ông Đinh Đức H sử dụng đất tại khu HP, phường ND, thành phố M, tỉnh Q, thuộc trường hợp bị Nhà nước thu hồi đất năm 2009 để thực hiện dự án nâng cấp đại lộ Hòa Bình từ Km2 đến cầu Hòa Bình.

Ngày 19/6/2009 UBND thành phố M ban hành Quyết định thu hồi đất số 1371/QĐ-UBND, thu hồi 1.456,3m² đất của ông Đinh Đức H sử dụng vào mục đích sản xuất gạch tại khu HP, phường ND, trong đó: Diện tích 1.081.95m² đất thu hồi để thực hiện dự án nâng cấp đại lộ hòa bình đoạn Km2 đến cầu Hòa Bình; Diện tích 374,35m² đất thu hồi giao cho UBND phường ND quản lý để thực hiện quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trên cơ sở kết quả bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố M khi thu hồi đất, ông Đinh Đức H không đồng ý và có khiếu nại lần 1, được chủ tịch UBND thành phố giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày

29/10/2009, trong đó không đồng ý với nội dung đề nghị được lập phương án bồi thường với diện tích đất bị thu hồi.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu, ông Đinh Đức H đã khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh để đề nghị giải quyết 2 nội dung: (1) Đề nghị bồi thường diện tích 1.081,95m² đất Nhà nước thu hồi thực hiện dự án nâng cấp Đại lộ Hòa Bình; (2) Đề nghị giao lại 374,5m² đất còn lại sau khi thu hồi để gia đình tiếp tục sử dụng.

Kết quả xác minh khiếu nại lần 2 đã thể hiện: Việc thu hồi diện tích 1.081,95m² đất của ông Đinh Đức H để thực hiện dự án nâng cấp đại lộ Hòa Bình đoạn Km2 đến cầu Hòa Bình là đúng quy định và phù hợp với việc thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch đã được công bố; diện tích đất thu hồi đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Việc thu hồi tiếp 374,35m² trong tổng số 1.456,3m² khi ông H đang sử dụng ổn định giao cho UBND phường ND quản lý khi chưa có quy hoạch và kế hoạch sử dụng đối với thửa đất này là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39 Luật Đất đai năm 2003 (quy định về điều kiện thu hồi đất). Diện tích thu hồi có nguồn gốc do ông Đinh Đức H sử dụng từ năm 1997, được UBND thành phố M khẳng định là đất phi nông nghiệp theo Quyết định thu hồi đất số 1371/QĐ-UBND ngày 19/6/2009, quá trình sử dụng không tranh chấp.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Đức H, trú tại tổ 4, khu HP, phường ND, thành phố M”. Điều 1 của Quyết định có nội dung như sau:

“Chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Đinh Đức H, trú tại tổ 4, khu HP, phường ND, thành phố M về việc: Được bồi thường về đất đối với thửa đất có diện tích 1.081,95m² tại vị trí phía bắc đại lộ Hòa Bình, khu HP, phường ND, thành phố M; Được giao lại diện tích 374,35m² mà UBND thành phố M đã thu hồi và giao lại cho UBND phường ND quản lý.

Yêu cầu UBND thành phố M căn cứ quy định của pháp luật chỉ đạo lập lại phương án bồi thường và hỗ trợ đối với diện tích 1.081,95m² cho gia đình ông H; giao lại diện tích 374,35m² cho ông Đinh Đức H tiếp tục quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật”.

Thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh, ngày 14/12/2012, UBND thành phố M ban hành Quyết định số 4580/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Đinh Đức H. Trong đó đã bồi thường diện tích 1.081,95m² (đơn giá 3.500.000đ/m²) giá trị bồi thường là 3.786.825.000 đồng, nghĩa vụ tài chính phải nộp là 1.912.346.625 đồng; giá trị trả hộ dân là 1.874.478.375 đồng.

Ngày 29/11/2012, UBND thành phố M ban hành Quyết định số 4071/QĐ-UBND về việc điều chỉnh và hủy bỏ một phần Quyết định thu hồi đất số 1371/QĐ-UBND ngày 19/6/2009 của UBND thành phố M. Trong đó hủy bỏ nội dung “thu hồi diện tích 374,35m² giao cho UBND phường ND quản lý để thực

hiện quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ Quyết định này, ngày 30/01/2013 Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố đa chủ trì tiến hành bàn giao lại diện tích 374,35m² cho ông Đinh Đức H sử dụng.

Theo nội dung văn bản số 5289/UBND-VP ngày 27/10/2021 của UBND thành phố M: Hiện nay UBND thành phố là người bị kiện trong vụ án hành chính thụ lý số 18/2021/TLST-HC ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, người khởi kiện là ông Đinh Đức H với nội dung: Tuyên bố hành vi hành chính của UBND thành phố M không thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Đức H trong thời hạn là trái quy định của pháp luật, buộc UBND thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông, tổng diện tích xin cấp là 1.086,6m² gồm 3 thửa riêng biệt được ông H tự gộp lại sử dụng: Thửa thứ nhất là 374,35m² đã nêu trong kết quả giải quyết khiếu nại, có nguồn gốc do ông Đinh Đức H sử dụng từ năm 1997, do sản xuất gạch không hiệu quả, gia đình ông H đã chuyển sang đào ao, thả cá, trồng cây và làm bãi rửa xe. Thửa thứ hai là ao, diện tích 244,6m², nguồn gốc là đất ông Đặng Trọng T2 sử dụng để sản xuất gạch đã khai thác đất, ông H nhận chuyển nhượng lại, cải tạo thành ao nuôi cá từ khoảng năm 2012 đến nay. Thửa thứ ba. Diện tích 467.65m² là phần đất ông H lấn chiếm của Xí nghiệp gạch ngói Giếng Đáy để trồng cây lâu năm từ năm 2012 đến nay (Nguồn gốc đất thể hiện trong phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 20/10/2020).

Tuy nhiên, ngày 07/9/2021, UBND phường ND có Báo cáo số 90/BC-UBND về kết quả xác minh nguồn gốc đất của ông Đinh Đức H; căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-UB ngày 15/5/1997 của UBND tỉnh “Về việc cho Xí nghiệp gạch ngói Giếng Đáy số 2 Q thuê đất và sơ đồ quy hoạch khu tập thể dành cho cán bộ nhân viên của Xí nghiệp; UBND phường ND đã kiểm tra, phục dựng lại hiện trạng, kết hợp tài liệu có liên quan; đã xác định: Diện tích ông Đinh Đức H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 921,75m², trong đó: Phần diện tích 748,2m² là đất của Xí nghiệp gạch ngói Giếng Đáy số 2 được thuê từ năm 1997; phần diện tích còn lại là 173,35m² là đất sản xuất gạch do ông Đặng Trọng T2 sử dụng, chuyển nhượng cho ông Đinh Đức H từ tháng 5/1994. Năm 1997, do sản xuất gạch không còn hiệu quả, gia đình ông H đã chuyển sang sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản, trồng cây lâu năm ổn định từ đó đến nay không tranh chấp. UBND phường đã đề xuất diện tích 748,4m² không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất; diện tích 1173,35m² đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất.

Trên cơ sở báo cáo của UBND phường ND nêu trên, UBND thành phố M đã nhận định thửa đất ông Đinh Đức H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc trùng một phần ranh giới UBND tỉnh cho Xí nghiệp gạch Giếng Đáy thuê nhưng chưa đề cập trong Quyết định giải quyết khiếu nại số 1284/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của UBND tỉnh. UBND thành phố đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo rà soát lại hồ sơ giải quyết vụ việc, xác định quá trình giải quyết đã thu thập tài liệu liên quan đến ranh giới UBND tỉnh đa cho Xí nghiệp gạch Giếng Đáy thuê đất.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch UBND tỉnh nhận thấy:

- Nội dung chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Điều 1 của Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Đức H, trú tại tổ 4, khu HP, phường ND, thành phố M” đã được UBND thành phố M thực hiện xong. UBND thành phố M đã phê duyệt bổ sung phương án bồi thường đối với diện tích 1.081,95m² cho ông Đinh Đức H; đã giao lại diện tích 374,35m² cho ông Đinh Đức H sử dụng.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 1284/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành đã thể hiện nguồn gốc đất ông Đinh Đức H sử dụng được xác định từ UBND phường ND và UBND thành phố M, trong đó không có thông tin liên quan đến đất Xí nghiệp gạch ngói Giếng Đáy số 2 được UBND tỉnh cho thuê từ năm 1997. Quyết định này đã giải quyết 02 nội dung khiếu nại của ông Đinh Đức H, trong đó không có nội dung khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như báo cáo của UBND thành phố M.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: ... “Văn phòng đăng ký đất đai có chức năng thực hiện đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất; xây dựng, quản lý, cập nhật, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai; cung cấp thông tin đất đai theo quy định cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: “2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thực hiện các công việc như sau: a) Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch”.

UBND phường ND không có chức năng xây dựng, cập nhật, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính. Do vậy kết quả UBND phường ND phục dựng lại hiện trạng đất và xác định diện tích đất ông Đinh Đức H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 748,4m² là đất của Xí nghiệp gạch ngói Giếng Đáy số 2 được thuê từ năm 1997, là nội dung không đủ căn cứ. UBND thành phố đã sử dụng kết quả này để báo cáo UBND tỉnh là chưa đúng trách nhiệm và chưa đủ cơ sở pháp luật.

Ngày 24/12/2021, UBND tỉnh đã có văn bản số 9353/UBND-TD2 “Về việc giải quyết đề nghị của UBND thành phố M liên quan đến ông Đinh Đức H”, theo đó đã giao UBND thành phố M căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ ông Đinh Đức H. Trường hợp vướng mắc về chuyên môn nghiệp vụ, UBND thành phố M đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện theo quy định.

Đại diện của UBND phường ND có quan điểm: Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố M sau buổi đối thoại ngày 06/5/2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, UBND phường đã hướng dẫn hộ dân hoàn thiện thủ tục hồ sơ theo quy định của pháp luật, đồng thời tổ chức xác minh nguồn gốc đất và quy trình sử dụng đất với phần diện tích đã tăng thêm; Tổ chức niêm yết công khai hồ sơ cấp GCNQSD đất của hộ ông Đinh Đức H. Ngày 03/6/2021 UBND phường ND đã ký bản xác định thông tin thửa đất làm căn cứ để Văn phòng đăng ký đất đai thành phố tiếp tục thực hiện theo quy định và gửi toàn bộ hồ sơ tài liệu có liên quan cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M. Trong quá trình thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ ông Đinh Đức H, nếu có khó khăn, vướng mắc thuộc trách nhiệm của UBND phường ND, UBND phường sẽ tích cực phối hợp xử lý theo thẩm quyền.

Tòa án tổ chức đối thoại nhưng Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng Hành chính. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung đề nghị tuyên bố Hành vi hành chính của UBND thành phố M về việc không thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Đức H trong thời hạn quy định là trái pháp luật; Buộc UBND thành phố M phải thực hiện nhiệm vụ công vụ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Đức H theo đúng quy định của pháp luật. Không chấp nhận nội dung yêu cầu buộc UBND thành phố M, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.086,6m², thửa đất số 88 tờ bản đồ số 52, tại khu HP, phường ND, thành phố M cho ông Đinh Đức H.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 24/02/2020 ông Đinh Đức H nộp hồ sơ đăng ký đất đai tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M; Ngày 30/12/2020 ông Đinh Đức H khởi kiện hành vi hành chính của UBND thành phố M về việc không thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Đức H trong thời hạn quy định là trái pháp luật và buộc UBND thành phố M, tỉnh Q cấp Giấy CNQSDĐ đối với diện tích 1.086,6m², thửa đất số 88 tờ bản đồ số 52, tại khu HP, phường ND, thành phố M cho ông Đinh Đức H.

Căn cứ khoản 7 Điều 22; Điều 105 Luật Đất đai 2013; khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố M là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, việc khởi kiện của ông H đảm bảo trong thời hiệu khởi kiện.

Các Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Q và Quyết định số 2581/QĐUBND ngày 29/10/2009 của Chủ tịch UBND thành phố M về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Đức H trú tại tổ 4, khu HP, phường ND, thành phố M tuy không bị khởi kiện, nhưng là quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan nên cũng được xem xét trong cùng vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện và Người có quyền lợi, nghĩa vụ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Căn cứ Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện đối với hành vi hành chính của UBND thành phố M trong việc thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Đức H, thấy:

Ngày 24/02/2020 ông Lê Sĩ D là người được ủy quyền của ông Đinh Đức H nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 88 tờ bản đồ địa chính số 52 thuộc khu HP, phường ND, thành phố M tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất đã tiếp nhận hồ sơ và giao cho ông D Giấy tiếp nhận hồ sơ số 78/TNHS ngày 24/02/2020, thể hiện: “Thời gian giải quyết hồ sơ: Thời gian 03 ngày làm việc, VP Đăng ký QSD đất chuyển hồ sơ đến UBND phường ND”.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã chuyển hồ sơ đến UBND phường ND để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp và các nội dung khác liên quan đến điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 20/10/2020 UBND phường ND tổ chức cuộc họp lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất.

Tại Báo cáo số 112/BC-UBND ngày 29/10/2020 của UBND phường ND nội dung báo cáo UBND thành phố M về hồ sơ đăng ký cấp GCNQSD đất của ông Đinh Đức H; về nguồn gốc thửa đất số 88 tờ bản đồ địa chính số 52 thuộc khu HP, phường ND, về vướng mắc trong quá trình giải quyết và đề xuất hướng giải quyết.

Ngày 14/5/2021 UBND phường ND tổ chức cuộc họp cùng Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Trung tâm phát triển quỹ đất, Phòng Tài nguyên môi trường, khu phố và ông Đinh Đức H để giải quyết kiến nghị của ông H.

Ngày 15/5/2021 UBND phường ND ban hành Báo cáo số 44/BC-UBND, báo cáo UBND thành phố M nội dung:

“- Đối chiếu với phiếu xác nhận kết quả đo đạc và hiện trạng đề nghị cấp GCNQSD đất (do ông H cung cấp) với hồ sơ tại phương án bồi thường GPMB của ông H, nhận thấy việc ông H đề nghị cấp giấy CNQSD đất theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc (đã cung cấp) có sự chồng lấn với ranh giới đã được đền bù GPMB theo phương án đã được bồi thường GPMB. Liên ngành đã đề nghị ông H liên hệ lại với đơn vị đo đạc, đo vẽ lại hiện trạng thửa đất và bỏ phần đền bù ra khỏi ranh giới đất.

- Đối với phần diện tích 374,35m² theo Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của UBND tỉnh Q và Quyết định số 4071/QĐ-UBND ngày 29/11/2012 của UBND thành phố M, được ông Đinh Đức H và liên ngành thống nhất ngoài thực địa (có sơ đồ kèm theo).

- Đối với phần diện tích còn lại, liên ngành đề nghị ông H liên hệ với tư vấn xác định ranh giới diện tích cụ thể và hoàn thiện lại kết quả đo vẽ chuyển cơ quan chức năng để được xem xét cấp giấy CNQSD đất theo quy định.

- Yêu cầu ông H di chuyển, tháo dỡ toàn bộ các công trình nằm trong ranh giới đất đã GPMB. Thời gian thực hiện xong trước ngày 30/5/2021 trả lại mặt bằng cho cơ quan nhà nước quản lý”.

Thấy rằng:

Khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013 quy định về Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất:

“2. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam”.

Tại Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định về thực hiện dịch vụ trong lĩnh vực đất đai quy định:

“1. Văn phòng đăng ký đất đai:

a) Văn phòng đăng ký đất đai là đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tổ chức lại trên cơ sở hợp nhất Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường hiện có ở địa phương; có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu riêng và được mở tài khoản để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Văn phòng đăng ký đất đai có chức năng thực hiện đăng ký đất đai và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng, quản lý, cập nhật, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai; cung cấp thông tin đất đai theo quy định cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu;

...

3. Các hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực đất đai, bao gồm:

c) Đo đạc, lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

....

5. Văn phòng đăng ký đất đai và Tổ chức phát triển quỹ đất phải được thành lập hoặc tổ chức lại trước ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong thời gian chưa thành lập hoặc tổ chức lại các tổ chức theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Trung tâm phát triển quỹ đất đã thành lập được tiếp tục hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ đã được giao”.

Tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất:

“1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định để làm thủ tục đăng ký.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thực hiện các công việc như sau:

a) Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch”.

Tại điểm a khoản 2 Điều 61 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định về thời gian thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản khác gắn liền với đất là không quá 30 ngày.

Tại bản Quy định về việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục, thời gian các bước thực hiện thủ tục về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 2779/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định như sau:

Điều 7. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ; thời gian các bước thực hiện thủ tục của từng cơ quan, đơn vị có liên quan

3. Thời gian các bước thực hiện thủ tục của từng cơ quan, đơn vị cho từng thủ tục hành chính được quy định cụ thể tại Chương II Bản quy định này; trong quá trình giải quyết hồ sơ nếu thấy chưa hợp lệ, chưa đủ điều kiện để giải quyết theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn tối đa 03 ngày, cơ quan xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn cho người dân nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định hoặc gửi thông báo cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ để thông báo cho người nộp hồ sơ nộp bổ sung hồ sơ, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định đối với trường hợp cơ quan xử lý hồ sơ không phải là cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

5. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và được tính theo ngày làm việc; trường hợp người nộp hồ sơ nộp từ 15 giờ của ngày nhận hồ sơ thì thời gian được tính từ ngày làm việc tiếp theo.

Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật; thời gian trưng cầu giám định; thời gian quy định tại điểm c khoản 2 Điều này và thời gian niêm yết, công khai, lấy ý kiến của các cơ quan liên quan theo quy định (nếu có).

Điều 11. Thành phần hồ sơ; trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất

4. Thời gian thực hiện:

a) Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là không quá 30 ngày theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 61 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Thời gian giải quyết của từng cơ quan cụ thể như sau:

- Tại Ủy ban nhân dân cấp xã là không quá 15 ngày;
- Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện là không quá 10 ngày;

- Tại Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện không quá 05 ngày.

c) Thời gian thực hiện của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm a, b khoản này không kể thời hạn 15 ngày niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xã nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất; xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công khai và gửi hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 70 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

Điều 28. Trách nhiệm của các Sở, Ngành và Ủy ban nhân dân các cấp.

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm

a) Định kỳ hàng quý rà soát toàn bộ công tác cấp Giấy chứng nhận tại các phường, xã, thị trấn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổng hợp số lượng các trường hợp sử dụng đất chưa kê khai đăng ký và hướng dẫn kê khai; tổng hợp số lượng các trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận;

c) Chỉ đạo tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận cho các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo quy định;

d) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện cấp Giấy chứng nhận tại địa bàn cấp huyện, cấp xã, kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện; Xử lý hoặc kiến nghị xử lý những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy định của pháp luật về cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động.

Căn cứ vào các quy định nêu trên, thấy rằng:

Về thẩm quyền: UBND thành phố M thực hiện yêu cầu cấp GCNQSD đất của ông Đinh Đức H là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013 quy định về Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký đất đai: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M tiếp nhận hồ sơ là đúng quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Ông Đinh Đức H đã nộp hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất đúng quy định; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M đã tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến UBND phường ND thực hiện các thủ tục là đúng quy định.

Tuy nhiên việc tiếp nhận giải quyết hồ sơ cấp GCNQSD đất của UBND thành phố M đối với hồ sơ của ông Đinh Đức H kéo dài từ ngày 25/02/2020 (ngày tiếp theo của ngày tiếp nhận hồ sơ) đến ngày ông Đinh Đức H khởi kiện (ngày 30/12/2020) nhưng UBND thành phố M chưa trả kết quả về việc cấp GCNQSD đất cho ông Đinh Đức H mà không có kết quả về việc cấp hay không cấp GCNQSD đất là quá thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Mặc dù, trên thực tế, sau khi tiếp nhận hồ sơ, UBND thành phố M mà trực tiếp là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M và UBND phường ND trong quá trình thực hiện xác minh nguồn gốc đất, sau khi phát hiện có vấn đề phát sinh liên quan đến thửa đất của ông Đinh Đức H. Nhưng trong thời hạn 03 ngày (theo quy định tại khoản 3 Điều 7 bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 2779/QĐ-UBND), UBND phường ND đã không kịp thời thông báo cho ông Đinh Đức H hoặc thông báo cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố M để thông báo cho ông Đinh Đức H nộp bổ sung hồ sơ, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

Do đó, ông Đinh Đức H khởi kiện hành vi hành chính của UBND thành phố M về việc không thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Đức H trong thời hạn quy định là trái pháp luật là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu buộc UBND thành phố M, tỉnh Q cấp Giấy CNQSDĐ đối với diện tích 1.086,6m², thửa đất số 88 tờ bản đồ số 52, tại khu HP, phường ND, thành phố M cho ông Đinh Đức H.

Thấy rằng việc cấp GCNQSD đất cho ông Đinh Đức H với diện tích bao nhiêu mét vuông, loại đất gì, ở đâu là thuộc trách nhiệm của UBND thành phố M trên cơ sở xem xét về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, diện tích sử dụng thực tế và chính sách của Nhà nước đối với từng loại đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Do đó ông Đinh Đức H yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố M, tỉnh Q cấp Giấy CNQSDĐ đối với diện tích cụ thể là 1.086,6m², thửa đất số 88 tờ bản đồ số 52, tại khu HP, phường ND, thành phố M cho ông Đinh Đức H là không có căn cứ, vì vậy bác yêu cầu khởi kiện này của ông Đinh Đức H.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Đức H được chấp nhận một phần, nên ông Đinh Đức H không phải nộp án phí Hành chính sơ thẩm.

UBND thành phố M phải nộp án phí Hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Đức H.

1.1 Tuyên bố: Hành vi hành chính của UBND thành phố M về việc không thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Đức H trong thời hạn quy định là trái pháp luật.

Buộc UBND thành phố M phải thực hiện nhiệm vụ công vụ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Đức H theo đúng quy định của pháp luật.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu buộc UBND thành phố M, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.086,6m², thửa đất số 88 tờ bản đồ số 52, tại khu HP, phường ND, thành phố M cho ông Đinh Đức H.

2. Về án phí:

Ông Đinh Đức H không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả lại ông Đinh Đức H số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0002376 ngày 22/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Ủy ban nhân dân thành phố M phải nộp án phí Hành chính sơ thẩm sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Bùi Đức Tuấn